

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 9 - 2023

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 112/2023/TLST - HNGĐ ngày 26/6/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Phương T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn 2, xã TC, huyện TH, tỉnh TH;

Chị T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T1, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn 2, xã TC, huyện TH, tỉnh TH;

Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2023 bản tự khai ngày 30/6/2023 và trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Phương T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Trần Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TH, tỉnh TH; Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến đầu năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vì thế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay; Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị được ly hôn anh Trần Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 30/6/2023 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/7/2023 bị đơn là anh Trần Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Văn T1 và chị Hoàng Phương T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TH, tỉnh TH; Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T không chung thủy dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và hai bên sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh T1 đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Anh T1 không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị T và anh T1; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Chị Hoàng Phương T và anh Trần Văn T1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện TH vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T1 và chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1 và chị T.

[2]. Về hôn nhân: Anh Trần Văn T1 và chị Hoàng Phương T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TH, tỉnh TH, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn theo như chị T trình bày là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh T1 cho rằng chị T không chung thủy nhưng không đưa ra được tài liệu gì chứng minh. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng anh T1 vắng mặt, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, hai bên thừa nhận sống ly thân đã 02 năm, thời gian dài hai bên cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để níu kéo hôn nhân; Nhận thấy vợ chồng có mâu thuẫn, hiện tại mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T1 khai nhận vợ chồng không có con chung, các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4]. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Phương T được ly hôn anh Trần Văn T1.

2. Về án phí: Chị Hoàng Phương T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2022/0000552 ngày 26/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;
- TAND tỉnh TH;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn Nguyễn Xuân Thu

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn Trần Thị Thịnh

Hoàng Văn Đạt

